

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 32

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 74/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 11 năm 2020 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 12 tháng 3 năm 2015. Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### BAN ĐIỀU HÀNH

#### Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u> <u>Tái bổ nhiệm</u> <u>Từ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2020

#### Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



  
Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61343540/22074733-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1



Vũ Tiến Dũng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

18 / 3 / 21  
EY  
VN

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>445.878.071.694</b>	<b>36.903.111.542</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>4.928.779.888</b>	<b>9.323.948.810</b>
111	1. Tiền		2.928.779.888	823.948.810
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	8.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>416.060.672.146</b>	<b>27.270.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	416.060.672.146	27.270.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>14.821.775.298</b>	<b>278.420.478</b>
132	1. Trả trước cho người bán		-	11.990.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	9.587.841.629	262.871.574
135	3. Các khoản phải thu khác	6.2	5.233.933.669	3.558.904
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.066.844.362</b>	<b>30.742.254</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	38.055.531	30.742.254
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.788.831	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7	10.000.000.000	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>573.041.142</b>	<b>372.107.338</b>
<b>260</b>	<b>I. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>573.041.142</b>	<b>372.107.338</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	476.085.447	349.025.799
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	96.955.695	23.081.539
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>446.451.112.836</b>	<b>37.275.218.880</b>
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>293.898.052.616</b>	<b>3.018.791.624</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>293.898.052.616</b>	<b>3.018.791.624</b>
311	1. Vay ngắn hạn	10	279.210.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		96.847.467	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	2.730.335.943	1.372.408.963
315	4. Phải trả người lao động		2.472.186.151	1.431.945.622
316	5. Chi phí phải trả		70.000.000	70.000.000
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	8.943.595.976	-
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		375.087.079	144.437.039
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>152.553.060.220</b>	<b>34.256.427.256</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.1	125.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính	13.2	1.755.891.311	1.502.584.086
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.2	1.755.891.311	1.502.584.086
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối	13.2	8.466.435.508	6.251.259.084
	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	14	15.574.842.090	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>446.451.112.836</b>	<b>37.275.218.880</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTQ

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
006	<b>1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
007	- Chứng khoán giao dịch		40.000.000.000	27.000.000.000
030	<b>2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>98.650.782.848</b>	<b>10.159.902.758</b>
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	23	98.650.782.848	10.159.902.758
040	<b>3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>808.018.676.664</b>	<b>352.390.591.188</b>
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	24	808.018.676.664	352.390.591.188
050	<b>4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>8.369.687.660</b>	<b>601.620.000</b>
051	<b>5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>7.782.284.565</b>	<b>1.197.461.272</b>

Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		16.210.431.705	6.763.760.283
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	15	16.210.431.705	6.763.760.283
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	16	(8.276.699.452)	(4.572.402.553)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		7.933.732.253	2.191.357.730
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	7.508.829.506	5.119.710.913
22	6. Chi phí tài chính	18	(4.095.531.880)	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(3.051.300.417)	(1.505.453.630)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.295.729.462	5.805.615.013
32	9. Chi phí khác		-	(1.864.025)
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.295.729.462	5.803.750.988
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.2	(1.298.446.458)	(1.190.750.198)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.997.283.004	4.613.000.790
	Trong đó:			
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ		6.702.440.914	4.613.000.790
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát		294.842.090	-
70	13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	1.889	1.753



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng





Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>8.295.729.462</b>	<b>5.803.750.988</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>			
05	1. Lãi từ hoạt động đầu tư	17	(7.508.829.506)	(5.119.710.913)
06	2. Chi phí lãi vay		3.871.237.191	-
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>4.658.137.147</b>	<b>684.040.075</b>
09	1. Tăng các khoản phải thu		(9.361.304.886)	(277.339.380)
11	2. Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.583.009.889	(4.371.382.890)
12	3. (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(208.247.081)	332.654.150
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.636.241.094)	-
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(677.841.492)	(470.778.064)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.357.512.483</b>	<b>(4.102.806.109)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(384.587.822.146)	-
24	2. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		1.879.646.474	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(14.202.850.000)	-
27	4. Lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia		418.344.267	5.119.449.816
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(396.492.681.405)</b>	<b>5.119.449.816</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		115.280.000.000	-
33	2. Tiền vay nhận được		593.765.000.000	-
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(314.555.000.000)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.750.000.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>390.740.000.000</b>	<b>-</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.395.168.922)	1.016.643.707
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	9.323.948.810	8.307.305.103
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	4.928.779.888	9.323.948.810



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt


BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


B05-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2019 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND	Năm 2019		Năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.2	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	100.000.000.000	-	25.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	13.2	1.271.934.046	1.502.584.086	230.650.040	-	253.307.225	-	1.502.584.086	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13.2	1.271.934.046	1.502.584.086	230.650.040	-	253.307.225	-	1.502.584.086	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	13.2	2.214.735.062	6.251.259.084	4.613.000.790	(576.476.768)	6.702.440.914	(4.487.264.490)	6.251.259.084	8.466.435.508
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	14	-	-	-	-	15.574.842.090	-	-	15.574.842.090
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>29.758.603.154</b>	<b>34.256.427.256</b>	<b>5.074.300.870</b>	<b>(576.476.768)</b>	<b>122.783.897.454</b>	<b>(4.487.264.490)</b>	<b>34.256.427.256</b>	<b>152.553.060.220</b>

Trong năm, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 với số tiền là 506.614.450 đồng. Công ty cũng trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi cho nhân viên với số tiền là 230.650.040 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-HĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2020. Ngoài ra, trong năm Công ty đã chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/10/2020/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 10 năm 2020.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03/2020/NQ-ĐHCD ngày 3 tháng 8 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ, số lượng dự kiến phát hành là 10.000.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã phát hành thành công 10.000.000 cổ phiếu với tổng số tiền thu được là 100.000.000.000 đồng từ cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt.

  
Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập

  
Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng

  
Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 12 tháng 3 năm 2015. Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt đã mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **Công ty con**

Trong năm, Công ty thực hiện khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Finsight dưới hình thức góp vốn với tổng số tiền là 84.800.000.000 đồng, tương đương với tỉ lệ sở hữu là 84,73% và trở thành công ty mẹ của công ty này.

Công ty Cổ Phần Finsight là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

Hoạt động chính của Công ty con là hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật); các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật); hoạt động trung gian thanh toán; lập trình máy vi tính; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin (trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí); nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 03, TP.HCM, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 15 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

### 2.6 Thông tin so sánh

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán đầu tiên Nhóm Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, số liệu đầu kỳ được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này là không so sánh được.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

Chứng khoán khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") do Bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.6 Lợi ích của nhân viên**

*Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Nhóm Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Nhóm Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

*Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

**3.7 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:



**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**3.8 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.9 Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

*Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**3.11 Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt bằng VND	69.264.983	63.195.094
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	2.859.514.905	760.753.716
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.912.590.099	637.907.388
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	210.360.127	106.483.788
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	13.309.029	13.265.099
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	31.146.365	3.097.441
- Tại các NHTM khác	692.109.285	-
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng bằng VND	2.000.000.000	8.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.000.000.000	8.500.000.000
	<b>4.928.779.888</b>	<b>9.323.948.810</b>

## 5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	41.472.850.000	27.270.000.000
- Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM	24.240.000.000	24.240.000.000
- Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	16.160.000.000	3.030.000.000
- Công ty Cổ Phần Xếp Hạng Tín Nhiệm Thiên Minh	1.072.850.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết	251.987.822.146	-
Hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi	122.600.000.000	-
	<b>416.060.672.146</b>	<b>27.270.000.000</b>

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

### 6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	-	262.871.574
- Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM	-	135.785.042
- Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2	-	127.086.532
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư TVS	9.056.129.640	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư khác	235.237.523	-
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	260.570.466	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	35.904.000	-
	<b>9.587.841.629</b>	<b>262.871.574</b>

### 6.2 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	5.211.397.669	558.904
Khác	22.536.000	3.000.000
	<b>5.233.933.669</b>	<b>3.558.904</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Chứng khoán An Bình để mua chứng chỉ tiền gửi.

## 8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	38.055.531	30.742.254
- Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	19.800.000	19.800.000
- Khác	18.255.531	10.942.254
Chi phí trả trước dài hạn	476.085.447	349.025.799
- Công cụ, dụng cụ	211.078.105	10.350.001
- Chi phí sửa chữa văn phòng	196.939.665	304.732.953
- Khác	68.067.677	33.942.845
	<b>514.140.978</b>	<b>379.768.053</b>

## 9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặt cọc phí taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	61.898.200	-
Đặt cọc phí lưu ký	20.057.495	8.081.539
	<b>96.955.695</b>	<b>23.081.539</b>

## 10. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Số tăng trong năm VND	Số giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>Vay ngân hàng</b>	-	<b>284.000.000.000</b>	<b>(15.000.000.000)</b>	<b>269.000.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	34.000.000.000	(15.000.000.000)	19.000.000.000
<b>Vay cá nhân</b>	-	<b>309.765.000.000</b>	<b>(299.555.000.000)</b>	<b>10.210.000.000</b>
	-	<b>593.765.000.000</b>	<b>(314.555.000.000)</b>	<b>279.210.000.000</b>

Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 5 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 4,75%/năm đến 6,50%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu của Nhóm Công ty với tổng số tiền là 269.000.000.000 VND. Các khoản vay cá nhân ngắn hạn có lãi suất từ 7,00%/năm đến 8,74%/năm.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	677.841.492	1.298.446.458	(677.841.492)	1.298.446.458
Thuế thu nhập cá nhân	694.567.471	1.673.243.573	(939.185.559)	1.428.625.485
Thuế GTGT đầu ra	-	3.264.000	-	3.264.000
	<b>1.372.408.963</b>	<b>2.974.954.031</b>	<b>(1.617.027.051)</b>	<b>2.730.335.943</b>

## 12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả hợp tác đầu tư	8.648.599.879	-
Phải trả hoạt động đầu tư	234.996.097	-
Phải trả khác	60.000.000	-
	<b>8.943.595.976</b>	<b>-</b>

## 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 13.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn góp cuối năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	24.800.000.000	99,20
Trần Vinh Quang	100.000.000	0,08	100.000.000	0,40
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,40
	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 13.2. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi ích của cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	25.000.000.000	1.502.584.086	1.502.584.086	6.251.259.084	-	34.256.427.256
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	-	15.280.000.000	115.280.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	6.702.440.914	294.842.090	6.997.283.004
Trích quỹ trong năm	-	253.307.225	253.307.225	(506.614.450)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	-	(230.650.040)	-	(230.650.040)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(3.750.000.000)	-	(3.750.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>1.755.891.311</b>	<b>1.755.891.311</b>	<b>8.466.435.508</b>	<b>15.574.842.090</b>	<b>152.553.060.220</b>

Nghi quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03/2020/NQ-ĐHĐĐ ngày 3 tháng 8 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ, số lượng dự kiến phát hành là 10.000.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Công ty đã phát hành thành công 10.000.000 cổ phiếu với tổng số tiền thu được là 100.000.000.000 đồng từ cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt.

Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 với số tiền là 506.614.450 đồng. Công ty cũng trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi cho nhân viên với số tiền là 230.650.040 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-HĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2020.

Ngoài ra, trong năm Công ty đã trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0710/2020/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 10 năm 2020.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 14. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Góp vốn trong năm	15.280.000.000	-
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	294.842.090	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.574.842.090</b>	<b>-</b>

## 15. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	12.595.445.949	3.361.736.352
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	1.522.005.314	1.800.689.749
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	1.420.144.007	1.601.334.182
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán cho Công ty Finhay	260.570.466	-
Phí quản lý danh mục đầu tư Công ty Finhay	337.265.969	-
Phí quản lý danh mục khác	75.000.000	-
	<b>16.210.431.705</b>	<b>6.763.760.283</b>

## 16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	6.683.187.880	3.046.743.759
Chi phí thuê văn phòng	595.946.104	593.333.729
Chi phí đồ dùng văn phòng	467.278.455	305.863.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.895.428	312.639.694
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	380.391.585	310.821.432
	<b>8.276.699.452</b>	<b>4.572.402.553</b>

## 17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.800.000.000
Lãi trái phiếu đầu tư	3.185.752.283	-
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	1.829.646.474	-
Lãi tiền gửi	2.443.430.749	319.710.913
Khác	50.000.000	-
	<b>7.508.829.506</b>	<b>5.119.710.913</b>



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lãi vay ngân hàng	3.006.753.421	-
Lãi vay cá nhân	864.483.770	-
Khác	224.294.689	-
	<b>4.095.531.880</b>	-

## 19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.302.278.323	1.270.444.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.107.422	15.777.631
Chi phí đồ dùng văn phòng	92.381.414	3.450.000
Thuế, phí và lệ phí	9.091.681	8.795.230
Chi phí khác	241.441.577	206.985.968
	<b>3.051.300.417</b>	<b>1.505.453.630</b>

## 20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm. (2019: 20%)

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 20.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 20.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	8.295.729.462	5.803.750.988
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	1.659.145.892	1.160.750.198
Các khoản điều chỉnh tăng: - Chi phí không được khấu trừ	195.777.619	30.000.000
Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính	1.854.923.511	1.190.750.198
Chi phí thuế TNDN được giảm (*)	(556.477.053)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.298.446.458</b>	<b>1.190.750.198</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 do Quốc hội ban hành về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng sẽ được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020. Theo đó, Chi nhánh đã ghi nhận chi phí TNDN được giảm trong năm hiện hành với số tiền là 556.477.053 VND.

## 21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Nhóm Công ty:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (VND)	6.702.440.914	4.613.000.790
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(230.650.040)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>6.702.440.914</b>	<b>4.382.350.750</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.547.945	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.889	1.753

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-HĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2020 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho năm tài chính hiện tại.

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Thu nhập phí quản lý danh mục đầu tư	12.595.445.949	3.361.736.352
		Tăng tiền gửi ủy thác	836.678.167.484	477.671.694.949
		Giảm tiền gửi ủy thác	(748.773.424.341)	(570.891.024.415)
		Mua lại cổ phiếu TVGF2 từ TVS	(13.130.000.000)	-
		Chi cổ tức trong năm	(3.720.000.000)	-
		Phí lưu ký	(28.181.700)	(9.408.000)
		Phí môi giới mua bán	(90.606.750)	-
		Góp vốn thành lập Finsight	15.000.000.000	-
		Tặng vốn tại TVAM	100.000.000.000	-
		Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư Cổ tức được chia trong năm
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Biên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.420.144.007	1.601.334.182
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	2.341.524.909	1.751.074.727
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn vào Finsight	140.000.000	-
		Cho vay	9.910.000.000	-
		Chi phí lãi vay	464.246.603	-
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Góp vốn vào Finsight	140.000.000	-

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	24.240.000.000	24.240.000.000
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	135.785.042
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	16.160.000.000	3.030.000.000
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	127.086.532
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý	9.056.129.640	-
Bà Lại Hải Hoa	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vay ngắn hạn	(9.910.000.000)	-
		Lãi vay phải trả	50.289.608	-
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Cổ đông của Công ty con Finsight	Vốn góp tại Finsight	140.000.000	-

### 23. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số đầu năm	10.159.902.758	103.379.232.224
Tăng trong năm	2.387.666.976.170	477.671.694.949
Giảm trong năm	(2.299.176.096.080)	(570.891.024.415)
<b>Số cuối năm</b>	<b>98.650.782.848</b>	<b>10.159.902.758</b>

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 24. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch</b>	<b>355.522.753.045</b>	<b>352.390.591.188</b>
Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:		
NVL	14.005.000.000	-
VJC	933.800	-
DMC	428.400	-
CTD	339.000	339.000
LPB	-	27.051.340.000
TCM	-	12.589.210.000
SSI	-	36.628.010.600
VSC	-	55.900
KSB	-	100.250
FCN	-	94.150
MSN	-	400.000
CEO	-	8.634.395.259
NLG	-	15.748.430.500
DXG	-	34.700
TCB	-	21.533.055.500
<b>Chứng chỉ quỹ</b>	<b>159.589.135.873</b>	-
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>292.906.787.746</b>	-
	<b>808.018.676.664</b>	<b>352.390.591.188</b>

### 25. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu cổ tức	1.462.147.190	389.600.000
Phải thu bán chứng khoán	3.199.871.600	212.020.000
Đặt cọc mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	3.707.668.870	-
	<b>8.369.687.660</b>	<b>601.620.000</b>

### 26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả tiền mua chứng khoán	7.692.000.000	1.182.729.500
Phải trả phí khác	90.284.565	14.731.772
	<b>7.782.284.565</b>	<b>1.197.461.272</b>

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	1.272.950.700	530.172.300
Từ 1 đến 5 năm	936.637.147	-
	<b>2.209.587.847</b>	<b>530.172.300</b>

## 28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Nhóm Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vì các khoản tiền gửi của Nhóm Công ty có lãi suất cố định.

#### Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**28.2 *Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**28.3 *Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 28.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.928.779.888	2.000.000.000	-	-	4.928.779.888
Đầu tư ngắn hạn	416.060.672.146	-	-	-	416.060.672.146
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	9.587.841.629	-	-	9.587.841.629
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	-	15.233.933.669	-	-	15.233.933.669
Tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	-	96.955.695	96.955.695
	<b>418.989.452.034</b>	<b>26.821.775.298</b>	-	<b>96.955.695</b>	<b>445.908.183.027</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay ngắn hạn	-	-	279.210.000.000	-	279.210.000.000
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	-	70.000.000
	-	<b>70.000.000</b>	<b>279.210.000.000</b>	-	<b>279.280.000.000</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	823.948.810	8.500.000.000	-	-	9.323.948.810
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	-	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	278.420.478	-	-	278.420.478
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	23.081.539	23.081.539
	<b>28.093.948.810</b>	<b>8.778.420.478</b>	-	<b>23.081.539</b>	<b>36.895.450.827</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	-	70.000.000



## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.928.779.888	9.323.948.810	4.928.779.888	9.323.948.810
Đầu tư ngắn hạn	416.060.672.146	27.270.000.000	428.380.672.146	31.890.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	9.587.841.629	278.420.478	9.587.841.629	278.420.478
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	15.317.714.524	-	15.317.714.524	-
Tài sản tài chính dài hạn khác	96.955.695	23.081.539	96.955.695	23.081.539
	<b>445.991.963.882</b>	<b>36.895.450.827</b>	<b>458.311.963.882</b>	<b>41.515.450.827</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay ngắn hạn	279.210.000.000	-	279.210.000.000	-
Chi phí phải trả	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
	<b>279.280.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>279.280.000.000</b>	<b>70.000.000</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn niêm yết lấy theo giá đóng cửa của chứng khoán niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là ngày giao dịch cuối cùng trong năm. Đối với giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào tổ chức khác lấy theo giá ghi sổ.

## Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 30. CÁC SỰ KIỆN TRỌNG YẾU PHÁT SINH TRONG NĂM

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03/2020/NQ-ĐHCD ngày 3 tháng 8 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ, số lượng dự kiến phát hành là 10.000.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, Trong năm, Công ty đã phát hành thành công 10.000.000 cổ phiếu với tổng số tiền thu được là 100.000.000.000 đồng từ cổ đông là Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt.

Ngoài ra, trong năm Công ty còn thực hiện khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Finsight dưới hình thức góp vốn với tổng số tiền là 84.800.000.000 đồng, tương đương với tỉ lệ sở hữu là 84,73% và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Finsight.

### 31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Bà Phạm Uyên Vy  
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021